

**KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN
THỜI KỲ 2021-2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2050**

*(Kèm theo Quyết định số: 682 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 phải bám sát, phù hợp với Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam (Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 18/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ) và Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Thuận phải đảm bảo tính bền vững, gắn với hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái, di tích văn hóa, cảnh quan, an ninh quốc phòng, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

c) Phát triển sản xuất các chủng loại vật liệu xây dựng có tính năng mới, có giá trị kinh tế cao, các loại vật liệu xây dựng có thể mạnh của tỉnh như: Đá xây dựng, cát nhân tạo, gạch không nung...; các chủng loại sản phẩm vật liệu xây dựng có thị trường tiêu thụ tốt trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, có lợi thế cạnh tranh, có giá trị kinh tế cao.

d) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thu hút mọi nguồn lực (vốn, công nghệ, lao động...), khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng mới, cao cấp và thân thiện môi trường; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tiên tiến hiện đại, đầu tư sản xuất và sử dụng vật liệu xây dựng đáp ứng nhu cầu phát triển vật liệu xây dựng phục vụ cho các công trình xây dựng.

đ) Sử dụng công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng tiên tiến, hiện đại, tự động hóa, cơ giới hóa nhằm tối đa các quy trình sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm. Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa các thiết bị, phụ tùng thay thế trong sản xuất vật liệu xây dựng.

e) Tập trung các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng đầu tư mới có công nghệ cao, hiện đại vào các khu, cụm công nghiệp để thuận lợi trong phát triển sản xuất và đảm bảo về môi trường; quản lý chặt chẽ nguồn phát thải (khí thải, bụi, chất thải rắn) của các cơ sở sản xuất hiện có, từng bước chuyển đổi hoặc loại bỏ các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, hiệu quả kinh tế thấp, không phù hợp với quy hoạch chung của các huyện, thị, thành phố.

g) Sản xuất vật liệu xây dựng đặt trong mối quan hệ và sự phân công hợp lý trong tỉnh và giữa các tỉnh lân cận như: Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Thuận; tập trung phát

triển vật liệu xây dựng có tính lợi thế để đáp ứng nhu cầu trong tỉnh về chất lượng và số lượng, có xem xét yếu tố xuất ra ngoài tỉnh.

2. Mục tiêu phát triển

a) Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, khai thác có hiệu quả tiềm năng thế mạnh của tỉnh; tạo ra các sản phẩm chất lượng cao về kỹ thuật, mỹ thuật, tiêu hao nguyên liệu và năng lượng thấp, sử dụng phế thải công nghiệp, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên. Đa dạng các sản phẩm vật liệu xây dựng có chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, có năng lực cạnh tranh cao trên thị trường, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong tỉnh và khu vực.

b) Đưa công nghệ xử lý khí thải, bụi, chất thải rắn vào các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng có phát thải, từng bước chuyển đổi hoặc loại bỏ các cơ sở sản xuất có công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

c) Xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, có tính cạnh tranh mạnh trên thị trường quốc tế. Hạn chế xuất khẩu những sản phẩm sử dụng nhiều nguyên liệu, nhiên liệu là tài nguyên khoáng sản không tái tạo.

3. Định hướng phát triển

Trên cơ sở nguồn tài nguyên khoáng sản và các chủng loại vật liệu xây dựng của tỉnh, Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng được xác định với những loại cụ thể sau:

- a) Xi măng:
 - Dự báo nhu cầu xi măng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030: 2.600 nghìn tấn.
 - Dự kiến năng lực sản xuất:
 - + Đến năm 2025: 1.100.000 tấn/năm;
 - + Đến năm 2030: 1.500.000 tấn/năm.
 - Định hướng giai đoạn 2021-2030:
 - + Tiếp tục duy trì và đầu tư sâu công nghệ trong các cơ sở nghiền xi măng để gia tăng năng lực sản xuất và đa dạng chủng loại sản phẩm, gia tăng chất lượng sản phẩm, định hướng phát triển thị trường ngoại tỉnh, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường;
 - + Sử dụng tối đa các chất thải, phế thải của các ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng và chất thải sinh hoạt làm nguyên liệu, nhiên liệu, phụ gia cho quá trình sản xuất xi măng;
 - + Tăng cường chuyển đổi lọc bụi tĩnh điện sang lọc bụi túi vải; cơ sở sản xuất xi măng phải có thiết bị giám sát nồng độ bụi tại nguồn thải và kết nối trực tuyến các thiết bị này với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương;
 - + Đổi mới công nghệ để đáp ứng các chỉ tiêu:
 - Tiêu hao nhiệt năng: ≤ 730 kcal/kg clinker;
 - Tiêu hao điện năng: ≤ 90 kWh/tấn xi măng;
 - Tiêu hao điện năng: ≤ 65 kWh/tấn clinker;
 - Phát thải CO₂: ≤ 650 kg/tấn xi măng;
 - Phát thải SO₂: ≤ 200 mg/Nm³;

Phát thải NO_2 : $\leq 800 \text{ mg/Nm}^3$;

Phát thải bụi: $\leq 30 \text{ mg/Nm}^3$.

+ Sử dụng nhiên liệu thay thế lên đến 15% tổng nhiên liệu dùng để sản xuất clinker xi măng.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050: Công nghệ sản xuất xi măng phải đáp ứng các chỉ tiêu:

+ Tiêu hao nhiệt năng: $\leq 700 \text{ kcal/kg clinker}$;

+ Tiêu hao điện năng: $\leq 80 \text{ kWh/tấn xi măng}$;

+ Phát thải CO_2 : $\leq 550 \text{ kg/tấn xi măng}$;

+ Phát thải SO_2 : $\leq 100 \text{ mg/Nm}^3$;

+ Phát thải NO_2 : $\leq 400 \text{ mg/Nm}^3$;

+ Phát thải Bụi: $\leq 20 \text{ mg/Nm}^3$.

+ Sử dụng trên 30% nguyên, nhiên liệu thay thế bằng việc sử dụng tro bay, xỉ nhiệt điện, chất thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt và phế phẩm nông nghiệp.

b) Vật liệu xây:

- Dự báo nhu cầu vật liệu xây tại tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030: 1.566 triệu viên.

- Dự kiến năng lực sản xuất:

+ Đến năm 2025: Gạch xây nung: 145.000.000 viên/ năm;

Gạch xây không nung: 150.000.000 viên/ năm;

+ Đến năm 2030: Gạch xây nung: 150.000.000 viên/ năm;

Gạch xây không nung: 165.000.000 viên/ năm.

* *Gạch xây nung*:

- Định hướng giai đoạn 2021-2030:

+ Đầu tư có chiều sâu, cải tiến công nghệ sản xuất gạch sét nung để giảm tiêu hao nhiên liệu, nguyên liệu và bảo vệ môi trường; hạn chế tối đa việc sản xuất vật liệu xây từ đất nông nghiệp. Phát huy hết công suất các nhà máy hiện có;

+ Đến năm 2025, các cơ sở sản xuất đang sử dụng công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ tiêu tốn nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng phải đầu tư cải tạo, chuyển đổi thành các cơ sở sản xuất có công nghệ tiên tiến, có mức độ cơ giới hóa, tự động hóa cao nhằm tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng đáp ứng các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường hoặc buộc phải dừng sản xuất;

+ Tăng cường áp dụng khoa học, kỹ thuật, cải tiến công nghệ, cơ giới hóa để nâng cao chất lượng sản phẩm. Có trên 30% nhà máy ứng dụng tự động hóa vào trong dây chuyền sản xuất. Khuyến khích công nghệ sử dụng nhiên liệu thay thế;

+ Các chỉ tiêu tiêu hao:

Tiêu hao nhiệt năng: $\leq 360 \text{ kcal/kg sản phẩm}$;

Tiêu hao điện năng: $\leq 0,022 \text{ kWh/kg sản phẩm}$.

+ Tiết kiệm tối đa sử dụng tài nguyên thiên nhiên. Sử dụng tối đa các nguồn phế thải các ngành công nghiệp khác (tro xỉ từ các nhà máy nhiệt điện, hóa chất...) để thay thế 50% nguyên, nhiên liệu thiên nhiên trong sản xuất gạch đất sét nung;

+ Các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung có hệ thống xử lý khí thải, chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường;

+ Tăng cường sản xuất các sản phẩm gạch đất sét nung rỗng, mỏng, nhẹ, gạch trang trí, gạch kích thước lớn, gạch không trát...

- Định hướng giai đoạn 2031-2050:

+ Duy trì năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu nội tỉnh. Tỷ lệ gạch đất sét nung còn khoảng 30-40% trong tổng sản lượng vật liệu xây. Tỷ lệ sản phẩm gạch nung trang trí, mỏng, rỗng... giá trị gia tăng cao chiếm 80%;

+ Giảm mức tiêu hao nhiệt, mức phát thải CO₂ từ 20% đến 30% so với giai đoạn 2021-2030.

* *Gạch xây không nung:*

- Định hướng giai đoạn 2021-2030:

+ Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất vật liệu xây không nung trong các khu, cụm công nghiệp tại các huyện: Thuận Nam, Thuận Bắc, Ninh Sơn nhằm đảm bảo sản lượng sản xuất vật liệu xây không nung chiếm tỷ trọng so với tổng lượng gạch xây 45-50% vào năm 2025; $\geq 50\%$ vào năm 2030;

+ Khuyến khích sử dụng tối đa vật liệu xây không nung vào các công trình xây dựng không phân biệt nguồn vốn, số tầng;

+ Đến năm 2025, các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công phải sử dụng vật liệu xây không nung so với tổng số vật liệu xây với tỷ lệ như sau: Tại địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm phải sử dụng tối thiểu 70% vật liệu xây không nung; tại địa bàn các huyện Ninh Hải, Thuận Bắc, Ninh Sơn, Bác Ái, Ninh Phước, Thuận Nam phải sử dụng tối thiểu 50% vật liệu xây không nung; các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 80% vật liệu xây không nung trong tổng số vật liệu xây;

+ Đến năm 2030, các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn các huyện, thành phố phải sử dụng 100% vật liệu xây không nung so với tổng số vật liệu xây; các công trình xây dựng từ 09 tầng trở lên phải sử dụng tối thiểu 90% vật liệu xây không nung trong tổng số vật liệu xây;

+ Các công trình có yêu cầu đặc thù không sử dụng vật liệu xây không nung thì phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, chấp thuận. Thẩm quyền xem xét, chấp thuận thực hiện theo Khoản 6 Điều 4 Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

+ Khuyến khích đầu tư sản xuất các chủng loại vật liệu xây không nung có kích thước lớn, các sản phẩm sử dụng nguyên liệu là chất thải công nghiệp, xây dựng, nhiệt điện (tro, xỉ than, xỉ luyện kim, phế thải phá dỡ công trình...); các sản phẩm nhẹ; siêu

nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn, vật liệu chống cháy, chậm cháy, vật liệu cách âm, cách nhiệt, cách điện, tiết kiệm năng lượng, vật liệu mới, vật liệu xanh...; các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành xây dựng;

+ Sử dụng công nghệ, dây chuyền thiết bị tiên tiến, hiện đại, cơ giới hóa, tự động hóa. Phần đầu hơn 50% nhà máy ứng dụng tự động hóa trong dây chuyền sản xuất;

+ Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường;

+ Đa dạng hóa các sản phẩm gạch không nung kích thước lớn, cầu kiện, tấm tường, vật liệu nhẹ, giảm thiểu phát thải trong quá trình xây dựng.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050:

+ Tỷ lệ vật liệu xây không nung: $\geq 60\%$ trong tổng sản lượng vật liệu xây;

+ Sử dụng tối đa lượng chất thải công nghiệp, xây dựng, nhiệt điện (tro, xỉ than, xỉ luyện kim, phế thải phá dỡ công trình...) để sản xuất vật liệu xây không nung;

+ Khuyến khích các cơ sở đã có trên địa bàn tỉnh cải tiến công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và phát huy tối đa năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu nội tỉnh và cung cấp cho các tỉnh thành lân cận.

c) Đá xây dựng:

- Dự báo nhu cầu đá xây dựng giai đoạn 2021-2030: 13 triệu m³.

- Dự kiến năng lực sản xuất:

+ Đến năm 2025: năng lực sản xuất tăng 30% đạt 6.300.000 m³/năm;

+ Đến năm 2030: năng lực sản xuất tăng 20% đạt 7.500.000 m³/năm.

- Định hướng giai đoạn 2021-2030:

+ Đầu tư có chiều sâu để khai thác hết công suất đã cấp phép; đầu tư mở rộng một số mỏ đá hiện có, đặc biệt là những mỏ có điều kiện thuận lợi về địa điểm khai thác (gần các trung tâm tiêu thụ lớn hoặc những khu vực dự kiến đầu tư lớn, có chất lượng đá tốt, trữ lượng lớn, thuận lợi giao thông) để cung cấp đáp ứng nhu cầu thị trường;

+ Đầu tư xây dựng một số mỏ mới (ở những khu vực chưa có mỏ đá, hoặc khu vực vùng sâu vùng xa) với công nghệ khai thác và chế biến đá tiên tiến để khai thác và cung ứng tại chỗ, giảm bớt việc cung ứng từ xa;

+ Các đơn vị khai thác đá phải đảm bảo công suất thiết kế đã đăng ký. Khai thác tại các điểm mỏ đúng theo quy hoạch được duyệt và được cấp phép đảm bảo phù hợp với nhu cầu từng địa phương. Khuyến khích đầu tư dây chuyền khai thác với công suất không nhỏ hơn 100.000 m³/năm. Sản phẩm lưu thông trên thị trường phải đảm bảo các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành, phải được công bố hợp chuẩn, hợp quy;

+ Nâng công suất khai thác, chế biến, để tiến tới đóng cửa các mỏ đá có vị trí thuộc ranh giới quy hoạch xây dựng đô thị, khu du lịch, điểm dân cư, hành lang an toàn giao thông;

+ Khuyến khích đầu tư các trạm nghiền chế biến cát xây dựng nhân tạo tại các khu vực chế biến đá xây dựng;

+ Các cơ sở khai thác đá phải đầu tư dây chuyền khai thác hiện đại, đồng bộ (bao gồm thiết bị gia công, sàng, vận chuyển, xử lý môi trường), đặc biệt quan tâm đến các chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm (đá dùng cho bê tông xi măng, đá dùng cho các kết cấu đường giao thông) để lựa chọn hệ thống sàng, quy trình phối trộn cho phù hợp;

+ Sử dụng hiệu quả tài nguyên khoáng sản; khai thác đảm bảo theo hồ sơ thiết kế được thẩm định và chú trọng công tác cải tạo, phục hồi môi trường;

+ Các cơ sở sản xuất đá xây dựng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản;

+ Hạn chế cấp phép mới các mỏ nằm cạnh quốc lộ, đường cao tốc để bảo vệ cảnh quan môi trường, hành lang an toàn giao thông.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050: Tiếp tục đầu tư thăm dò và khai thác đá xây dựng cùng với khoáng định khu vực tiềm năng, nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng nội tỉnh và xuất khẩu ngoại tỉnh.

d) Cát, sỏi xây dựng:

- Dự báo nhu cầu cát xây dựng tại tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030: 11,5 triệu m³.

- Dự kiến năng lực sản xuất:

+ Đến năm 2025:	Cát tự nhiên:	300.000 m ³ /năm.
	Cát nhân tạo:	800.000 m ³ /năm.
+ Đến năm 2030:	Cát tự nhiên:	400.000 m ³ /năm.
	Cát nhân tạo:	900.000 m ³ /năm.

- Giai đoạn 2021-2030:

+ Đầu tư, phát triển các cơ sở khai thác, chế biến cát, sỏi tự nhiên, cát nhân tạo tại các huyện như: Thuận Nam, Thuận Bắc, Ninh Sơn nhằm đáp ứng đủ nhu cầu xây dựng trong tỉnh trong giai đoạn 2021-2030;

+ Khuyến khích đầu tư cơ sở sản xuất cát nhân tạo từ nguồn nguyên liệu khai thác tại mỏ đá, sỏi lòng sông và phế thải công nghiệp;

+ Giai đoạn 2021-2025 tại các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn tỉnh phải sử dụng vật liệu cát nhân tạo thay cho cát tự nhiên với tỷ lệ 30-50% trên tổng số vật liệu cát xây dựng trong công tác sản xuất cấu kiện, bộ phận chịu lực chính thuộc các hạng mục công trình. Khuyến khích các cơ sở sản xuất gạch không nung trên địa bàn tỉnh sử dụng cát nhân tạo thay cho cát tự nhiên trong dây chuyền sản xuất với tỷ lệ 20% trên tổng số vật liệu cát xây dựng;

+ Đến giai đoạn 2026-2030 tại các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn tỉnh phải sử dụng vật liệu cát nhân tạo thay cho cát tự nhiên với tỷ lệ $\geq 50\%$ trên tổng số vật liệu cát xây dựng trong công tác sản xuất cấu kiện, bộ phận chịu lực chính thuộc các hạng mục công trình. Khuyến khích các cơ sở sản xuất gạch không nung trên địa bàn tỉnh sử dụng cát nhân

tạo thay cho cát tự nhiên trong dây chuyền sản xuất với tỷ lệ 30% trên tổng số vật liệu cát xây dựng;

+ Áp dụng rộng rãi định mức cấp phối sử dụng cát nghiền nhân tạo trong chế tạo sản phẩm vật liệu xây dựng tại tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

+ Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

+ Chú trọng sản xuất và sử dụng cát nghiền, cát tuyển rửa, cát tái chế từ phế thải công nghiệp và xây dựng để thay thế lượng cát tự nhiên trong xây dựng;

+ Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản; tận dụng phế thải từ các mỏ đá, mỏ cát, sỏi lòng sông và phế thải công nghiệp, xây dựng để sản xuất cát nhân tạo;

+ Từng bước hạn chế và tiến đến không sử dụng cát tự nhiên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho bê tông và vữa để làm vật liệu san lấp;

+ Các cơ sở sản xuất cát, sỏi xây dựng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050:

+ Hạn chế tối đa sử dụng cát tự nhiên trong xây dựng; nâng cao tỷ lệ sử dụng cát nghiền, cát tuyển rửa, cát tái chế từ phế thải công nghiệp và xây dựng để thay thế lượng cát tự nhiên trong xây dựng;

+ Đến giai đoạn 2031-2050 tại các công trình xây dựng được đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công trên địa bàn tỉnh phải sử dụng vật liệu cát nhân tạo thay cho cát tự nhiên với tỷ lệ $\geq 60\%$ trên tổng số vật liệu cát xây dựng trong công tác sản xuất cấu kiện, bộ phận chịu lực chính thuộc các hạng mục công trình. Khuyến khích các cơ sở sản xuất gạch không nung trên địa bàn tỉnh sử dụng cát nhân tạo thay cho cát tự nhiên trong dây chuyền sản xuất với tỷ lệ 40% trên tổng số vật liệu cát xây dựng.

đ) Đá ốp lát:

- Dự báo nhu cầu đá ốp lát trong giai đoạn 2021-2030: 2,7 triệu m².

- Dự kiến năng lực sản xuất: + Đến năm 2025, tăng 10% đạt 720.000 m²/năm;

+ Đến năm 2030, tăng 15% đạt 830.000 m²/năm.

- Định hướng giai đoạn 2021-2030:

+ Đẩy mạnh khuyến khích đầu tư thăm dò, đánh giá trữ lượng các mỏ đá ốp lát nằm trong quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng;

+ Đầu tư chế biến các sản phẩm đá ốp lát như đá tẩy, đá sân vườn, đá mỹ nghệ... từ đá khối đáp ứng nhu cầu trong tỉnh, hướng đến thị trường ngoại tỉnh và xuất khẩu;

+ Đầu tư hình thành khu trung tâm khai thác, chế biến đá ốp lát tại tỉnh, thúc đẩy tạo thương hiệu, quảng bá các sản phẩm chế biến đá ốp lát tỉnh Ninh Thuận ra thị trường ngoại tỉnh;

+ Đầu tư sử dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến, hiện đại để nâng cao chất lượng sản phẩm, có sản phẩm đạt chất lượng quốc tế hướng đến thị trường ngoại tỉnh và xuất khẩu;

+ Đầu tư phát triển đồng bộ giữa các cơ sở sản xuất và các cơ sở khai thác, chế biến nguyên liệu, để khai thác và chế biến có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên không tái tạo này;

+ Các cơ sở sản xuất phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường; phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong khai thác, chế biến khoáng sản.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050: Tiếp tục đẩy mạnh khuyến khích đầu tư thăm dò, tìm kiếm và đánh giá trữ lượng các mỏ đá ốp lát đưa bổ sung vào trong quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng của cả nước.

e) Vật liệu san lấp:

- Dự báo nhu cầu vật liệu san lấp giai đoạn 2021-2030: 67 triệu m³.

- Dự kiến năng lực sản xuất: + Đến năm 2025: đạt 6.000.000 m³/năm;

+ Đến năm 2030: đạt 7.400.000 m³/năm.

- Định hướng giai đoạn 2021-2030:

+ Đầu tư, phát triển khai thác vật liệu san lấp nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

+ Đẩy mạnh đầu tư thăm dò, khai thác các mỏ vật liệu san lấp trong quy hoạch nhưng chưa được đầu tư;

+ Đẩy mạnh đầu tư thăm dò, khai thác các mỏ vật liệu san lấp trong quy hoạch nhưng chưa được đầu tư tại các khu vực có tiềm năng lớn như: Ninh Hải, Ninh Sơn, Ninh Phước, Thuận Bắc, Thuận Nam, Bác Ái;

+ Chú trọng đầu tư cấp phép thăm dò, khai thác các mỏ vật liệu san lấp tại một số vùng chưa có hoặc số lượng mỏ chưa nhiều như: Ninh Hải, Ninh Sơn, Bác Ái;

+ Khuyến khích đầu tư, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ chế biến vật liệu san lấp từ các nguồn phế thải công nghiệp và xây dựng;

+ Sử dụng công nghệ khai thác tiên tiến, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường. Hoàn nguyên các mỏ khai thác theo quy định của pháp luật;

+ Khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, sử dụng tối đa phế thải công nghiệp, xây dựng, tro xỉ của các nhà máy nhiệt điện, hóa chất phân bón làm vật liệu san lấp;

+ Các cơ sở khai thác vật liệu san lấp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường. Phải tiến hành cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật trong và sau khi khai thác, chế biến.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050:

+ Tiếp tục đầu tư khoanh định khu vực tiềm năng, đầu tư thăm dò và khai thác vật liệu san lấp tự nhiên, nhằm đáp ứng phục vụ nhu cầu nội tỉnh;

+ Tăng cường sử dụng vật liệu san lấp từ phế thải công nghiệp và xây dựng.

g) Bê tông và cấu kiện bê tông:

- Dự báo nhu cầu bê tông tại tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030: 3,1 triệu m³.

- Dự kiến năng lực sản xuất:

+ Đến năm 2025: Bê tông thương phẩm: 230.000 m³/năm;

Bê tông đúc sẵn: 60.000 m³/năm.

+ Đến năm 2030: Bê tông thương phẩm: 287.000 m³/năm;

Bê tông đúc sẵn: 75.000 m³/năm.

- Định hướng giai đoạn 2021-2030:

+ Đầu tư mới các trạm trộn bê tông xi măng thương phẩm, bê tông nhựa trong các khu, cụm công nghiệp tại các huyện như: Thuận Bắc, Thuận Nam, Ninh Sơn để thay thế cho chế tạo bê tông thủ công, đơn giản, phân tán, không đảm bảo chất lượng và gây ô nhiễm môi trường;

+ Đầu tư có chiều sâu công nghệ sản xuất, từng bước di dời các cơ sở sản xuất bê tông cấu kiện và trạm trộn bê tông thương phẩm hiện có vào trong các khu, cụm công nghiệp để hình thành mạng lưới cung ứng thuận tiện cho nhu cầu xây dựng của tỉnh và hạn chế ô nhiễm môi trường;

+ Khuyến khích các cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm đầu tư thêm các dây chuyền sản xuất cấu kiện bê tông và các loại bê tông chất lượng cao (bê tông nhẹ, bê tông cường độ cao, bê tông xuyên nước chống ngập úng, giảm tiếng ồn cho các đô thị...), phát triển các loại cấu kiện xây dựng theo modul lắp ghép, tấm panel nhằm phục vụ nhu cầu đô thị hóa trên địa bàn tỉnh và cung cấp cho một số tỉnh thành lân cận;

+ Sử dụng công nghệ tiên tiến, dây chuyền thiết bị tiên tiến, hiện đại cơ giới hóa, tự động hóa trong dây chuyền sản xuất. Ứng dụng các loại phụ gia khoáng, phụ gia hóa học để tối ưu hóa chất lượng bê tông nhằm thích ứng với khí hậu và đạt độ bền lâu dài;

+ Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường;

+ Phát triển và áp dụng rộng rãi các loại bê tông mác cường độ cao; các sản phẩm cấu kiện bê tông tiên chế, lắp ghép theo modul, bản mỏng, tiết diện nhỏ; bê tông chịu nhiệt; bê tông thích ứng với biến đổi khí hậu; bê tông in 3D;

+ Đa dạng hóa các sản phẩm bê tông và cấu kiện bê tông đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng các công trình cao tầng và các công trình xây dựng khác; sản xuất các sản phẩm cấu kiện bê tông tiên chế, lắp ghép theo modul, bê tông thích ứng với biến đổi khí hậu, bê tông mác cường độ cao, bê tông chất lượng siêu cao, bê tông đóng rắn nhanh cường độ cao, bê tông geopolymere, bê tông cốt sợi, bê tông tự lèn, các loại bê tông nhẹ, bê tông cách âm, cách nhiệt, bê tông chống cháy, bê tông dự ứng lực, cấu kiện bê tông, bê tông bán lắp ghép.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050:

+ Tiếp tục phát triển các trạm trộn bê tông thương phẩm và cầu kiện bê tông. Hạn chế và tiến tới không sử dụng bê tông trộn trực tiếp tại công trường (trộn theo phương pháp thủ công), nhằm đảm bảo chất lượng bê tông và vệ sinh môi trường;

+ Khuyến khích nghiên cứu phát triển các bê tông mác cao, bê tông cốt thép ứng lực trước, bê tông tự đầm, bê tông có tính năng đặc biệt và các dạng bê tông mới. Tăng cường sử dụng phế thải làm nguyên liệu sản xuất bê tông. Phát triển các loại phụ gia cho bê tông để nâng cao khả năng thi công và các tính năng sử dụng khác.

h) Gạch ốp lát:

- Dự báo nhu cầu gạch ốp lát trong giai đoạn 2021-2030: 500.000 m².

- Dự kiến năng lực sản xuất: + Đến năm 2025: đạt 50.000 m²/năm;

+ Đến năm 2030: đạt 75.000 m²/năm.

- Giai đoạn 2021-2030:

+ Đầu tư xây mới các cơ sở sản xuất gạch ốp lát trong các khu công nghiệp tại các huyện như: Thuận Nam, Thuận Bắc, Ninh Sơn;

+ Đầu tư có chiều sâu, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu về công nghệ và môi trường, có sản phẩm đạt chất lượng quốc tế, hướng đến thị trường ngoại tỉnh và xuất khẩu;

+ Đầu tư phát triển các loại vật liệu lát vỉa hè để đáp ứng cho xây dựng đô thị của tỉnh và cung cấp cho các tỉnh lân cận, xuất khẩu.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050: Tiếp tục đầu tư phát triển công nghệ sản xuất, đạt chuẩn quốc tế, tiến tới đưa các sản phẩm gạch ốp lát ra thị trường ngoại tỉnh và xuất khẩu.

i) Vật liệu lợp:

- Dự báo nhu cầu vật liệu lợp trong giai đoạn 2021-2030: 2,5 triệu m².

- Dự kiến năng lực sản xuất:

+ Đến năm 2025: Tấm lợp kim loại: 1.500.000 m²/năm;

Ngói xi măng - cát: 30.000 m²/năm.

+ Đến năm 2030: Tấm lợp kim loại: 1.700.000 m²/năm;

Ngói xi măng - cát: 35.000 m²/năm.

- Định hướng giai đoạn 2021-2030:

+ Khuyến khích đầu tư các nhà máy gia công, sản xuất tấm lợp tại các khu công nghiệp, sử dụng công nghệ - trang thiết bị tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu, phát thải thấp;

+ Khuyến khích đầu tư sản xuất vật liệu lợp thông minh, tiết kiệm năng lượng; vật liệu lợp sử dụng các loại sợi an toàn với sức khỏe con người, thân thiện môi trường;

+ Phát triển công nghệ sản xuất ngói có sử dụng chất thải công nghiệp thay thế nguyên liệu đất sét;

+ Khuyến khích phát triển, ứng dụng công nghệ sản xuất tấm lợp sử dụng sợi thân thiện môi trường, bền trong môi trường;

+ Các cơ sở sản xuất có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường;

+ Phát triển đa dạng hóa các chủng loại và mẫu mã sản phẩm, nhất là các sản phẩm vật liệu lợp thông minh, tiết kiệm năng lượng;

+ Phát triển sản xuất đa dạng các sản phẩm tấm lợp kim loại, tônmat, tấm lợp composit, polycarbonat, polycarbonat - hợp kim nhôm, tấm lợp từ sợi hữu cơ và bitum, tấm lợp acrylic có phủ các hạt đá tự nhiên, các loại ngói không nung có màu dùng để trang trí, các loại ngói giả cổ phục vụ công trình đặc biệt.

- Định hướng giai đoạn 2031-2050: Phát triển đa dạng hóa các chủng loại và mẫu mã sản phẩm, chú trọng các sản phẩm vật liệu lợp thông minh, tiết kiệm năng lượng; vật liệu lợp sử dụng các loại sợi an toàn với sức khỏe con người, thân thiện môi trường, bền trong môi trường.

k) Đá chẻ xây dựng:

Định hướng chung:

- Tiếp tục giữ nguyên công suất khai thác tại các cơ sở 56.400 m³/năm; tương ứng với công suất chẻ biến đá chẻ xây dựng: 6.000.000 viên/năm;

- Đầu tư thăm dò, khai thác các mỏ đá chẻ nằm trong quy hoạch khoáng sản để tận dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Đến giai đoạn 2031-2050 hạn chế cấp phép khai thác, tiến tới thay thế đá chẻ xây dựng bằng các sản phẩm vật liệu xây không nung.

4. Giải pháp thực hiện

Để thực hiện mục tiêu Kế hoạch phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, định hướng đến 2050 đạt hiệu quả cao cần có các giải pháp đồng bộ:

a) Giải pháp về vốn đầu tư:

- Để giải quyết vấn đề vốn cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, các thành phần kinh tế trên địa bàn, cộng với sự hỗ trợ từ nguồn ngân sách Nhà nước;

- Cần có chính sách hỗ trợ lãi suất ưu đãi đối với những doanh nghiệp tham gia vào dự án đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng để khuyến khích chuyển đổi công nghệ sản xuất lạc hậu, ô nhiễm môi trường sang các công nghệ tiên tiến, hiện đại, sử dụng vật liệu sẵn có của địa phương để phát triển vật liệu xây không nung, cát nhân tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển và ổn định sản xuất vật liệu xây dựng về lâu dài.

b) Giải pháp về thị trường:

- Đối với thị trường trong tỉnh cần quan tâm đến các khu vực xây dựng trung tâm đô thị và vùng nông thôn, một mặt đẩy mạnh sản xuất vật liệu xây dựng tại chỗ đối với

các sản phẩm vật liệu xây dựng thông dụng, mặt khác tổ chức tốt việc cung ứng các sản phẩm vật liệu xây dựng mà các vùng này chưa sản xuất được để đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng của người dân;

- Các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng cần tăng cường đưa sản phẩm của mình vào xây dựng các công trình văn hoá phúc lợi công cộng, các nhà tình nghĩa và giảm giá thành sản phẩm để thuyết phục người tiêu dùng, nhất là người tiêu dùng nông thôn hiện còn xa lạ với một số chủng loại vật liệu xây không nung, cát nhân tạo. Cần có hệ thống thông tin về các chuẩn mực thiết kế công trình và tổ chức tốt công tác giám định chất lượng xây dựng để khuyến khích người dân mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng;

- Giúp đỡ các doanh nghiệp tạo mối quan hệ tham gia vào thị trường cung ứng trong nước giúp cho việc tiêu thụ sản phẩm vật liệu xây dựng trên địa bàn được dễ dàng, đồng thời cùng với các tỉnh bạn, các công ty lớn của Nhà nước xây dựng kế hoạch vận chuyển hàng hoá vật liệu xây dựng giao lưu giữa các vùng trong nước làm cho thị trường vật liệu xây dựng của tỉnh ngày càng rộng mở, hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả đóng góp xứng đáng vào việc xây dựng và phát triển kinh tế ở tỉnh.

c) Giải pháp về nguồn lực lao động và khoa học - công nghệ:

- Lập các kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo dưới nhiều hình thức. Thực hiện xã hội hoá công tác đào tạo nghề, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân thuộc chuyên ngành tự động hoá, cơ khí, địa chất, khai thác mỏ để bổ sung cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động khoáng sản, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của ngành;

- Tăng cường năng lực phân tích kiểm nghiệm, giám định chất lượng nguyên liệu, nhiên liệu và sản phẩm vật liệu xây dựng để giữ cho sản xuất ổn định, đảm bảo chất lượng hàng hoá vật liệu xây dựng trên thị trường;

- Công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật cần tập trung vào giải quyết những khó khăn trong sản xuất và áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất như nghiên cứu chế tạo các sản phẩm vật liệu xây, lợp không nung, cát nhân tạo từ nguồn nguyên liệu tại chỗ dùng cho xây dựng ở nông thôn. Quan tâm hỗ trợ nguồn vốn khoa học công nghệ để tổ chức sản xuất và trình diễn kỹ thuật cho các chủng loại vật liệu xây dựng với quy mô nhỏ, vốn đầu tư ban đầu thấp như: gạch, ngói không nung, cấu kiện bê tông lắp ghép, làm cơ sở nhân rộng ra trên địa bàn;

- Đẩy mạnh việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, sử dụng phế thải làm nguyên liệu, nhiên liệu thay thế, giảm tiêu hao năng lượng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vật liệu xây dựng. Đồng thời, tổ chức các hiệp hội ngành nghề để hỗ trợ cho việc phát triển sản xuất và điều tiết thị trường, đảm bảo thị trường vật liệu xây dựng phát triển bình ổn và vững chắc. Ngoài ra, cần quan tâm tới công tác thông tin, tuyên truyền những kinh nghiệm sản xuất các loại vật liệu xây dựng thông thường, rẻ tiền, phục vụ cho xây dựng ở khu vực nông thôn.

d) Giải pháp về nguồn cung nguyên liệu:

- Tổ chức khảo sát, thăm dò đánh giá tài nguyên, trữ lượng khoáng sản, khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng khoáng sản, theo phương án bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản;

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản, gắn khai thác khoáng sản với chế biến;

- Hình thành các khu vực, bến bãi tập kết vật liệu xây dựng theo quy hoạch, cơ sở chế biến nguyên liệu đảm bảo cung cấp ổn định về chất lượng, số lượng cho cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng;

- Áp dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến để nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản và giá trị của sản phẩm sau chế biến, nâng cao hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm khoáng sản;

- Đẩy mạnh nghiên cứu phát triển nguồn nguyên, vật liệu từ phế thải công nghiệp và xây dựng.

đ) Giải pháp về bảo vệ môi trường:

- Đối với công tác quản lý:

- + Tăng cường phổ biến rộng rãi các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường;

- + Thực hiện giám sát công tác bảo vệ môi trường bằng hệ thống thông tin kết nối trực tuyến với các trạm quan trắc tự động đặt tại các nhà máy sản xuất theo quy định; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các cam kết trong đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và an toàn lao động của các cơ sở khai thác nguyên liệu và sản xuất vật liệu xây dựng;

- + Xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất không thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- + Đẩy mạnh, triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển vật liệu xây không nung, cát nhân tạo.

- Đối với công tác khai thác mỏ nguyên liệu:

- + Các cơ sở khai thác nguyên liệu cần phải đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại;

- + Có các giải pháp thiết kế mỏ đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. Trong quá trình khai thác, phải đảm bảo thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định;

- + Thực hiện việc hoàn nguyên môi trường bằng cách hoàn trả lại mặt bằng đã khai thác, xử lý nước thải, trồng lại thảm thực vật...

- Đối với các nhà máy sản xuất:

- + Đầu tư công nghệ tiên tiến, hiện đại đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa; sử dụng công nghệ sản xuất sạch, giảm tiêu hao nhiên liệu, năng lượng, tiếng ồn, phát thải bụi, phát thải khí nhà kính trong sản xuất; tận dụng tối đa nhiệt khí thải để sấy, để phát điện, để tăng cường hiệu quả đốt cháy nhiên liệu...;

- + Xây dựng hệ thống xử lý chất thải, hệ thống quan trắc tự động nước thải, khí thải, bụi xung quanh diện phát thải và kết nối trực tuyến với cơ quan quản lý môi trường tại địa phương theo quy định;

+ Chấp hành nghiêm những quy định về vận chuyển vật liệu, tránh rơi vãi vật liệu trên đường vận chuyển;

+ Tăng cường trách nhiệm của nhà đầu tư khai thác khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng đối với nghĩa vụ đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, có trách nhiệm trong việc cải thiện đời sống, tạo công ăn việc cho lao động ở địa phương, tích cực tham gia cải thiện môi trường xã hội.

e) Giải pháp về tổ chức và quản lý:

- Tăng cường quản lý Nhà nước về sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn. Kiểm tra giám sát hoạt động hướng vào việc đánh giá thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp, giúp cho công tác quản lý Nhà nước của các cấp, các ngành trên tầm vĩ mô được thông suốt và hiệu quả;

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra của các Sở, cơ quan chuyên ngành đối với tất cả các cơ sở khai thác, chế biến sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn, từ đó kịp thời chấn chỉnh những sai phạm trong hoạt động sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng./.